

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA  
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA TP HỒ CHÍ MINH**



**BÀI TẬP LỚN MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

**ĐỀ TÀI:**

**DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.  
THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI,  
NÂNG CAO ĐỜI SỐNG ĐỒNG BÀO CHĂM Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**LỚP DT07 --- L14 NHÓM 06 --- HK211**

**NGÀY NỘP 15/10/2021**

**Giảng viên hướng dẫn: THS. ĐOÀN VĂN RE**

<b>Sinh viên thực hiện</b>	<b>Mã số sinh viên</b>	<b>Điểm số</b>
Nguyễn Văn Hùng	1913611	
Vĩnh Hưng	1913654	
Trần Hải Chí Hùng	1913616	
Lương Thị Quỳnh Hương	1911314	
Trịnh Duy Hưng	1913652	

**Thành phố Hồ Chí Minh – 2021**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ LÀM VIỆC NHÓM VÀ BẢNG ĐIỂM BTL**

*Môn:* **CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC** (MSMH: SP1035)

*Nhóm/Lớp:* L14    *Tên nhóm:* 6    *HK* 211    *Năm học* 2021

*Đề tài:*

**DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP  
PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG ĐỒNG BÀO CHĂM Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Nhiệm vụ được phân công	% Điểm BTL	Điểm BTL	Ký tên
1	1913611	Nguyễn Văn	Hùng	Phần 1.1, 2.3.1 và kết luận	20%		
2	1913654	Vĩnh	Hưng	Trình bày, phần mở đầu và 2.4.1	20%		
3	1913616	Trần Hải Chí	Hùng	Phần 2.3.2 và 1.2.2	20%		
4	1911314	Lương Thị Quỳnh	Hương	Tóm tắt chương 1, 2.1 và 2.2	20%		
5	1913652	Trịnh Duy	Hưng	Trình bày, phần mở đầu, 2.4.2, 2.4.3, tóm tắt chương 2	20%		

*Họ và tên nhóm trưởng:* Trịnh Duy Hưng    *Số ĐT:* 0964407953    *Email:* hung.trinhtrushbckyka@hcmut.edu.vn

**Nhận xét của GV:** .....

GIẢNG VIÊN  
(Ký và ghi rõ họ, tên)

**NHÓM TRƯỞNG**  
(Ký và ghi rõ họ, tên)  
Hưng  
Trịnh Duy Hưng

# MỤC LỤC

Trang

## I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết đề tài .....	5
2. Đối tượng nghiên cứu .....	9
3. Phạm vi nghiên cứu .....	9
4. Mục tiêu nghiên cứu .....	9
5. Phương pháp nghiên cứu .....	9
6. Kết cấu đề tài .....	9

## II. PHẦN NỘI DUNG

### Chương 1. DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1.1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc .....	10
1.1.1. Khái niệm dân tộc .....	10
1.1.2. Đặc trưng cơ bản của dân tộc .....	11
1.2. Chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc .....	14
1.2.1. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc .....	14
1.2.2. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin .....	15
1.2.2.1. Các dân tộc được quyền bình đẳng .....	15
1.2.2.2. Các dân tộc được quyền tự quyết .....	15
1.2.2.3. Liên hiệp công nhận tất cả các dân tộc .....	15
Tóm tắt chương 1 .....	17

### Chương 2. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG ĐỒNG BÀO CHĂM Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Đặc điểm dân tộc Việt Nam .....	18
2.1.1. Có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người .....	18
2.1.2. Các dân tộc cư trú xen kẽ nhau .....	18
2.1.3. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng .....	19
2.1.4. Các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển không đều .....	19
2.1.5. Các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết, gắn bó lâu đời trong cộng đồng dân tộc - quốc gia thống nhất .....	19

2.1.6. Mỗi dân tộc có bản sắc văn hoá riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hoá Việt Nam thống nhất .....	20
<b>2.2. Khái quát về đồng bào Chăm .....</b>	<b>20</b>
2.2.1. Vài nét về dân tộc Chăm .....	20
2.2.2. Đặc trưng kiến thức bản địa .....	21
2.2.2.1. Tiếng nói .....	21
2.2.2.2. Chữ viết .....	21
2.2.2.3. Nghệ thuật .....	21
<b>2.3. Thực trạng phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao đời sống đồng bào Chăm ở nước ta thời gian qua .....</b>	<b>23</b>
2.3.1. Những mặt đạt được và nguyên nhân phát triển .....	23
2.3.1.1. Những mặt đạt được.....	23
a. Về phát triển kinh tế .....	23
b. Về phát triển xã hội .....	27
2.3.1.2. Nguyên nhân phát triển .....	28
2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân gây ra.....	29
2.3.2.1. Những hạn chế .....	29
2.3.2.2. Nguyên nhân gây ra .....	30
<b>2.4. Giải pháp phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao đời sống đồng bào Chăm ở nước ta thời gian tới.....</b>	<b>32</b>
2.4.1. Phát huy những mặt đạt được .....	32
2.4.2. Giải pháp cho nông nghiệp .....	33
2.4.3. Giải pháp cho ngành nghề thủ công.....	34
<b>Tóm tắt chương 2 .....</b>	<b>35</b>
<b>III. KẾT LUẬN.....</b>	<b>36</b>
<b>IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>38</b>

## **I. PHẦN MỞ ĐẦU**

### **1. Tính cấp thiết đề tài**

Lý luận dân tộc là hệ thống tri thức về dân tộc, bao gồm tri thức về sự tồn tại và tri thức về sự phát triển dân tộc, được rút ra và hệ thống hóa từ thực tiễn sinh động, phong phú, đa chiều trong không gian và qua thời gian khác nhau của dân tộc. Đó là một lĩnh vực lý luận rất sâu rộng bao gồm rất nhiều nội dung đa dạng và phong phú, cũng rất phức tạp và nhạy cảm. Các nghiên cứu lý luận về dân tộc hầu như đã khẳng định rằng cần phân biệt hai khái niệm dân tộc - quốc gia và dân tộc - tộc người, và thống nhất cho rằng không nên lẫn lộn hai khái niệm này và dùng chung một thuật ngữ DÂN TỘC. Quá trình hội nhập quốc tế ngày nay lại càng cần phân biệt hai cách gọi đó phù hợp với thông lệ quốc tế. Trong phạm vi nghiên cứu này, tập trung vào dân tộc - tộc người và chỉ hướng vào tộc người thiểu số và dùng cách gọi này thay cho cách gọi “dân tộc thiểu số” vẫn thường dùng.

Trong mỗi giai đoạn lịch sử, chính sách dân tộc của Việt Nam luôn được bổ sung, sửa đổi, hoàn thiện nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn và sự phát triển của đất nước. Đặc biệt, trong thời kỳ đổi mới, các nguyên tắc, quan điểm cơ bản về vấn đề dân tộc tiếp tục được khẳng định và bổ sung nhằm phát huy mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc có vai trò và vị trí đặc biệt quan trọng trong sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Có thể khẳng định, chính sách dân tộc của Đảng ta luôn được quán triệt và triển khai thực hiện nhất quán trong suốt hơn 90 năm qua theo nguyên tắc: bình đẳng, đoàn kết, tương trợ trên tinh thần tôn trọng, giúp đỡ lẫn nhau, hướng tới mục tiêu xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tìm hiểu chính sách dân tộc của Việt Nam trong hơn 90 năm qua, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới, có thể thấy một số nội dung cơ bản sau: *Thứ nhất*, giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc là một trong những nhiệm vụ có tính chất chiến lược của cách mạng Việt Nam. *Thứ hai*, bình đẳng giữa các dân tộc là quyền ngang nhau của các dân tộc, không phân biệt dân tộc đó là đa số hay thiểu số, trình độ văn hóa, dân trí cao hay thấp, là bình đẳng trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội và được bảo đảm bằng pháp

luật. *Thứ ba*, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc là quan điểm xuyên suốt của Đảng trong thời kỳ đổi mới. *Thứ tư*, chú trọng tính đặc thù của từng vùng, từng dân tộc.

Từ thực tế vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở nước ta, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: “Tạo mọi điều kiện để các dân tộc cùng phát triển”. Từ các tiêu chí phân chia vùng, miền (khu vực bước đầu phát triển, khu vực ổn định và khu vực khó khăn), Nhà nước đã có những chính sách đầu tư thích hợp cho mỗi nhóm đối tượng, theo đó, những khu vực khó khăn hơn sẽ nhận được những ưu đãi đặc biệt về quy mô đầu tư, để giúp cho những khu vực này nhanh chóng theo kịp trình độ phát triển chung của cả nước.

Trên thực tế, chúng ta hãy xem qua sự phát triển của đồng bào dân tộc Chăm để thấy sự cố gắng và hiệu quả của chính sách. Những năm qua, từ các chương trình dự án, chính sách hỗ trợ, đời sống kinh tế, xã hội của người Chăm đã từng bước được nâng lên. Kinh tế phát triển, là điều kiện thuận lợi để người Chăm cải thiện và nâng cao đời sống.

Theo ông Haji Jacky, Trưởng ban đại diện Cộng đồng Hồi giáo tỉnh An Giang, thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách dành cho đồng bào dân tộc Chăm như: Chương trình 135, chương trình cho vay, hỗ trợ giáo dục và đầu tư điện, đường, trường, trạm...; nhờ đó đến nay, trên địa bàn tỉnh An Giang 100% ấp, xã vùng dân tộc Chăm có điện lưới quốc gia, trên 98% hộ dân được sử dụng điện lưới và nước sạch sinh hoạt. Đường giao thông nông thôn được nhựa hóa hoàn toàn, các xã vùng đồng bào Chăm có nhà văn hóa, trạm phát thanh phục vụ sinh hoạt cộng đồng.

Đặc biệt, chính quyền địa phương còn tạo điều kiện đưa tiếng nói và chữ viết Chăm vào chương trình dạy song ngữ của trường tiểu học, giúp con em đồng bào Chăm được học tiếng và chữ viết của dân tộc mình. Nhiều em đã tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, trung cấp và trở về phục vụ địa phương. Từ đó, đã tạo nên diện mạo mới cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Đời sống của bà con được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 33 triệu đồng/năm, số hộ nghèo theo tiêu chí mới giảm còn gần 4%. Ngoài chăm lo, ổn định đời sống vật chất cho đồng bào, chính quyền địa phương cũng nỗ lực chăm lo cho đời sống văn hóa, tinh thần, nhất là trong những dịp lễ Tết trọng đại của đồng bào..



Hình: tặng quà cho học sinh Chăm (<https://nld.com.vn/chinh-tri/pho-thu-tuong-thuong-truc-truong-hoa-binh-tang-qua-hoc-sinh-dan-toc-cham-tp-hcm-20190914184830929.htm>)

Những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, đời sống của đồng bào Chăm không ngừng được nâng lên, con em đồng bào Chăm, nhiều người sau khi tốt nghiệp đại học đã tham gia vào hệ thống chính trị tại các địa phương, cùng với người Kinh, Khmer và người Hoa chung tay xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Mặt khác, vùng đồng bào Chăm vẫn còn tồn tại một số khó khăn, bất cập như tốc độ phát triển kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng và nhu cầu phát triển; đời sống của một bộ phận đồng bào còn khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao so với mức trung bình của cả nước; công tác giáo dục, đào tạo còn nhiều hạn chế; nhiều nơi đồng bào còn thiếu đất sản xuất, đất ở, nước sinh hoạt; hệ thống chính trị cơ sở ở một số nơi còn yếu, lực lượng đảng viên cốt cán là người Chăm còn mỏng.

Xuất phát từ tình hình thực tế trên, nhóm chọn đề tài: “Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống đồng bào Chăm ở nước ta hiện nay” để nghiên cứu.





Hình: Lễ hội dân tộc Chăm (<https://dantocmiennui.vn/dac-sac-le-hoi-cau-mua-cua-dan-toc-cham-hroi/141584.html>)



Hình: Một thợ dệt người Chăm (<https://nld.com.vn/kinh-te/co-so-duy-nhat-con-sot-lai-cua-lang-nghe-det-tho-cam-cham-o-an-giang-20181028085113128.htm>)



## **2. Đối tượng nghiên cứu**

Thứ nhất, dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống đồng bào Chăm ở nước ta hiện nay.

## **3. Phạm vi nghiên cứu**

Đề tài nghiên cứu thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống đồng bào Chăm ở nước ta hiện nay.

## **4. Mục tiêu nghiên cứu**

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài:

*Thứ nhất*, làm rõ lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; đồng bào Chăm.

*Thứ hai*, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống đồng bào Chăm ở nước ta thời gian qua.

*Thứ ba*, đề xuất giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống đồng bào Chăm ở nước ta thời gian tới.

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

Đề tài sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu, trong đó chủ yếu nhất là các phương pháp: phương pháp thu thập số liệu; phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp lịch sử - logic;...

## **6. Kết cấu của đề tài**

Ngoài mục lục, phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, đề tài gồm 2 chương:

Chương 1: Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Chương 2: Thực trạng và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống đồng bào Chăm ở nước ta hiện nay.

## **Chương 1. DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

### **1.1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc**

#### **1.1.1 Khái niệm dân tộc**

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, dân tộc là quá trình phát triển lâu dài của xã hội loài người, trải qua các hình thức cộng đồng từ thấp đến cao, bao gồm: thị tộc, bộ lạc, bộ tộc, dân tộc. Sự biến đổi của phương thức sản xuất chính là nguyên nhân quyết định sự biến đổi của cộng đồng dân tộc.

Ở phương Tây, dân tộc xuất hiện khi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được xác lập thay thế phương thức sản xuất phong kiến. Ở phương Đông, dân tộc được hình thành trên cơ sở một nền văn hóa, một tâm lý dân tộc đã phát triển tương đối chín muồi và một cộng đồng kinh tế tuy đã đạt tới một mức độ nhất định, song nhìn chung còn kém phát triển và ở trạng thái phân tán. Dân tộc được hiểu theo hai nghĩa rộng và nghĩa hẹp:

Theo nghĩa rộng, dân tộc (Nation) là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có lãnh thổ riêng, nền kinh tế thống nhất, có ngôn ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước. Với nghĩa này, khái niệm dân tộc dùng để chỉ một quốc gia, nghĩa là toàn bộ nhân dân của một nước. Ví dụ, dân tộc Ấn Độ, dân tộc Trung Hoa, dân tộc Việt Nam, v.v..

Theo nghĩa hẹp, dân tộc (Ethnie) là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng tộc người được hình thành trong lịch sử, có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung ý thức tự giác tộc người, ngôn ngữ và văn hóa. Cộng đồng này xuất hiện sau bộ lạc, bộ tộc, kế thừa và phát triển cao hơn những nhân tố tộc người của các cộng đồng đó. Với nghĩa này, dân tộc là một bộ phận hay thành phần của quốc gia. Chẳng hạn, Việt Nam là quốc gia có 54 dân tộc, tức 54 cộng đồng tộc người. Sự khác nhau giữa các cộng đồng tộc người ấy biểu hiện chủ yếu ở đặc trưng văn hóa, lối sống, tâm lý, ý thức tộc người.

Theo Chủ nghĩa Mác –Lênin, dân tộc là một hình thức cộng đồng người ổn định, bền vững hợp thành nhân dân của một quốc gia, có lãnh thổ chung, nền kinh tế thống

nhất, quốc ngữ chung, có truyền thống văn hóa, truyền thống đấu tranh chung hình thành trong quá trình dựng nước và giữ nước dưới sự quản lý của nhà nước.

### **1.1.2 Đặc trưng cơ bản của dân tộc**

Thứ nhất, có chung một vùng lãnh thổ ổn định. Lãnh thổ là dấu hiệu xác định không gian sinh tồn, vị trí địa lý của một dân tộc, biểu thị vùng đất, vùng trời, vùng biển mà mỗi dân tộc được quyền sở hữu. Lãnh thổ là yếu tố thể hiện chủ quyền của một dân tộc trong tương quan với các quốc gia - dân tộc khác. Trên không gian đó, các cộng đồng tộc người có mối quan hệ gắn bó với nhau, cư trú đan xen với nhau. Vận mệnh của cộng đồng tộc người gắn bó với việc xác lập và bảo vệ lãnh thổ quốc gia.

Đối với quốc gia và từng thành viên dân tộc, yếu tố lãnh thổ là thiêng liêng nhất. Không có lãnh thổ thì không có khái niệm tổ quốc, quốc gia. Bảo vệ chủ quyền quốc gia là nghĩa vụ và trách nhiệm cao nhất của mỗi thành viên dân tộc. Chủ quyền quốc gia dân tộc về lãnh thổ là một khái niệm xác định thường được thể chế hóa thành luật pháp quốc gia và luật pháp quốc tế. Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, quá trình di cư khiến cư dân của một quốc gia lại có thể cư trú ở nhiều quốc gia, châu lục khác. Vậy nên, khái niệm dân tộc, lãnh thổ, hay đường biên giới không chỉ bó hẹp trong biên giới hữu hình, mà đã được mở rộng thành đường biên giới “mềm”, ở đó dấu ấn văn hóa chính là yếu tố để phân định ranh giới giữa các quốc gia - dân tộc.

*Thứ hai*, có chung một phương thức sinh hoạt kinh tế. Đây là đặc trưng quan trọng nhất của dân tộc, là cơ sở để gắn kết các bộ phận, các thành viên trong dân tộc, tạo quan hệ kinh tế là nền tảng cho sự vững chắc của cộng đồng dân tộc. Nếu thiếu tính cộng đồng chặt chẽ, bền vững về kinh tế thì cộng đồng người chưa thể trở thành dân tộc.

*Thứ ba*, có chung một ngôn ngữ làm công cụ giao tiếp. Mỗi một dân tộc có ngôn ngữ riêng, bao gồm cả ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, làm công cụ giao tiếp giữa các thành viên trên mọi lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội và tình cảm... Trong một quốc gia có nhiều cộng đồng tộc người, với các ngôn ngữ khác nhau, nhưng bao giờ cũng sẽ có một ngôn ngữ chung, thống nhất. Tính thống nhất trong ngôn ngữ dân tộc được thể hiện trước hết ở sự thống nhất về cấu trúc ngữ pháp và kho từ vựng cơ bản. Ngôn ngữ dân

tộc là một ngôn ngữ đã phát triển và sự thống nhất về ngôn ngữ là một trong những đặc trưng chủ yếu của dân tộc.

*Thứ tư*, có chung một nền văn hóa và tâm lý. Văn hóa dân tộc được biểu hiện thông qua tâm lý, tính cách, phong tục, tập quán, lối sống dân tộc, tạo nên bản sắc riêng của từng dân tộc. Văn hóa dân tộc gắn bó chặt chẽ với văn hóa của các cộng đồng tộc người trong một quốc gia. Văn hóa là một yếu tố đặc biệt quan trọng của sự liên kết cộng đồng. Mỗi dân tộc có một nền văn hóa độc đáo của dân tộc mình. Trong sinh hoạt cộng đồng, các thành viên của dân tộc thuộc những thành phần xã hội khác nhau tham gia vào sự sáng tạo giá trị văn hóa chung của dân tộc, đồng thời hấp thụ các giá trị văn hóa chung đó. Cá nhân hoặc nhóm người nào từ chối những giá trị văn hóa dân tộc thì họ đã tự mình tách khỏi cộng đồng dân tộc. Văn hóa của một dân tộc không thể phát triển nếu không giao lưu với văn hóa của các dân tộc khác. Tuy nhiên, trong giao lưu văn hóa, các dân tộc luôn có ý thức bảo tồn và phát triển bản sắc của mình, tránh nguy cơ đồng hóa về văn hóa.

*Thứ năm*, có chung một nhà nước (nhà nước dân tộc). Các thành viên cũng như các cộng đồng tộc người trong một dân tộc đều chịu sự quản lý, điều khiển của một nhà nước độc lập. Đây là yếu tố phân biệt dân tộc - quốc gia và dân tộc - tộc người. Dân tộc - tộc người trong một quốc gia không có nhà nước với thể chế chính trị riêng. Hình thức tổ chức, tính chất của nhà nước do chế độ chính trị của dân tộc quyết định. Nhà nước là đặc trưng cho thể chế chính trị của dân tộc, là đại diện cho dân tộc trong quan hệ với các quốc gia dân tộc khác trên thế giới.

Các đặc trưng cơ bản nói trên gắn bó chặt chẽ với nhau trong một chỉnh thể, đồng thời mỗi đặc trưng có một vị trí xác định. Các đặc trưng ấy có quan hệ nhân quả, tác động qua lại, kết hợp với nhau một cách chặt chẽ và độc đáo trong lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc, tạo nên tính ổn định, bền vững của cộng đồng dân tộc.

Theo nghĩa hẹp, dân tộc - tộc người có một số đặc trưng cơ bản sau:

*Thứ nhất* là, cộng đồng về ngôn ngữ (bao gồm ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết; hoặc chỉ riêng ngôn ngữ nói). Đây là tiêu chí cơ bản để phân biệt các tộc người khác nhau và là vấn đề luôn được các dân tộc coi trọng giữ gìn. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển tộc người, vì nhiều nguyên nhân khác nhau, có những tộc người không còn ngôn ngữ mẹ đẻ mà sử dụng ngôn ngữ khác làm công cụ giao tiếp.

*Tiếp theo* là cộng đồng về văn hóa. Văn hóa bao gồm văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể ở mỗi tộc người, phản ánh truyền thống, lối sống, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của tộc người đó. Lịch sử phát triển của các tộc người gắn liền với truyền thống văn hóa của họ. Ngày nay, cùng với xu thế giao lưu văn hóa vẫn song song tồn tại xu thế bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa của mỗi tộc người.

Cuối cùng là ý thức tự giác tộc người. Đây là tiêu chí quan trọng nhất để phân định một tộc người và có vị trí quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi tộc người. Đặc trưng nổi bật là các tộc người luôn tự ý thức về nguồn gốc, tộc danh của dân tộc mình; đó còn là ý thức tự khẳng định sự tồn tại và phát triển của mỗi tộc người dù cho có những tác động làm thay đổi địa bàn cư trú, lãnh thổ, hay tác động ảnh hưởng của giao lưu kinh tế, văn hóa... Sự hình thành và phát triển của ý thức tự giác tộc người liên quan trực tiếp đến các yếu tố của ý thức, tình cảm, tâm lý tộc người.

Ba tiêu chí này tạo nên sự ổn định trong mỗi tộc người trong quá trình phát triển. Đây cũng là căn cứ để xem xét và phân định các tộc người ở Việt Nam hiện nay.

Thực chất, hai cách hiểu trên về khái niệm dân tộc tuy không đồng nhất nhưng lại gắn bó mật thiết với nhau, không tách rời nhau. Dân tộc quốc gia bao hàm dân tộc tộc người; dân tộc tộc người là bộ phận hình thành dân tộc quốc gia. Dân tộc tộc người ra đời trong những quốc gia nhất định và thông thường những nhân tố hình thành dân tộc tộc người không tách rời với những nhân tố hình thành quốc gia. Đó là lý do khi nói đến dân tộc Việt Nam thì không thể bỏ qua 54 cộng đồng tộc người, trái lại, khi nói đến 54 cộng đồng tộc người ở Việt Nam phải gắn liền với sự hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam.

## **1.2. Chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc**

### **1.2.1. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc**

Xu hướng thứ nhất, do sự thức tỉnh, sự trưởng thành của ý thức dân tộc mà các cộng đồng dân cư muốn tách ra để xác lập các cộng đồng dân cư độc lập. Trong thực tế, xu hướng này đã biểu hiện thành phong trào đấu tranh chống áp bức dân tộc, thành lập các quốc gia dân tộc độc lập. Xu hướng này phát huy tác động nổi bật trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản và vẫn còn tác động trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

Xu hướng thứ hai, các dân tộc trong cùng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau. Xu hướng này phát huy tác động trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Chính sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học và công nghệ, của giao lưu kinh tế và văn hóa trong xã hội tư bản đã xuất hiện nhu cầu xóa bỏ hàng rào ngăn cách giữa các dân tộc, tạo nên mối liên hệ quốc gia và quốc tế rộng lớn giữa các dân tộc, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau.

Trong thời đại ngày nay, hai xu hướng khách quan nêu trên có những biểu hiện rất đa dạng, phong phú:

Trong phạm vi một quốc gia: Xu hướng thứ nhất thể hiện trong sự nỗ lực của từng dân tộc (tộc người) để đi tới sự tự do, bình đẳng và phồn vinh của dân tộc mình. Xu hướng thứ hai thể hiện ở sự xuất hiện những động lực thúc đẩy các dân tộc trong một cộng đồng quốc gia xích lại gần nhau hơn, hòa hợp với nhau ở mức độ cao hơn trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

Trong phạm vi quốc tế: Xu hướng thứ nhất thể hiện trong phong trào giải phóng dân tộc nhằm chống lại chủ nghĩa đế quốc và chống chính sách thực dân đô hộ dưới mọi hình thức, phá bỏ mọi áp bức bóc lột của chủ nghĩa đế quốc



## **1.2.2. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin**

### **1.2.2.1 Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng:**

Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc trong mối quan hệ giữa các dân tộc. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng có nghĩa là các dân tộc lớn hay nhỏ không phân biệt trình độ phát triển cao hay thấp đều có ý nghĩa và quyền lợi ngang nhau; không một dân tộc nào được giữ đặc quyền đặc lợi và đi áp bức bóc lột dân tộc khác, trước luật pháp mỗi nước và luật pháp quốc tế. Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng giữa các dân tộc phải được pháp luật bảo vệ và được thể hiện trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó việc phấn đấu khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa do lịch sử để lại có ý nghĩa cơ bản. Thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa các dân tộc.

### **1.2.2.2 Các dân tộc được quyền tự quyết:**

Quyền các dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối với vận mệnh của dân tộc mình, quyền quyết định chế độ chính trị - xã hội và con đường phát triển của dân tộc mình. Quyền tự quyết bao gồm quyền tự do độc lập về chính trị tách ra thành lập ra một quốc gia dân tộc độc lập vì lợi ích của các dân tộc và cũng bao gồm quyền tự nguyện liên hiệp với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng cùng với lợi ích để có đủ sức mạnh chống nguy cơ xâm lược từ bên ngoài, giữ vững độc lập chủ quyền và có thêm những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển quốc gia - dân tộc.

### **1.2.2.3 Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc:**

Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc là tư tưởng cơ bản trong cương lĩnh dân tộc của các đảng cộng sản: nó phản ánh bản chất quốc tế của phong trào công nhân, phản ánh sự thống nhất trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp. Nó đảm bảo cho phong trào dân tộc có đủ sức mạnh để giành thắng lợi. Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc quy định mục tiêu hướng tới; quy định đường lối, phương pháp xem xét cách giải quyết quyền dân tộc tự quyết, quyền bình đẳng dân tộc. Đồng thời nó là yếu tố sức mạnh đảm bảo cho giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức chiến thắng kẻ thù của mình. Đoàn kết, liên hiệp công nhân các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết

các tầng lớp nhân dân lao động rộng rãi thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Vì vậy, nội dung liên hiệp công nhân các dân tộc đóng vai trò liên kết cả ba nội dung của cương lĩnh thành một chỉnh thể. Đoàn kết giai cấp công nhân các dân tộc là sự thể hiện thực tế tinh thần yêu nước mà thời đại ngày nay đã trở thành một sức mạnh vô cùng to lớn. Nội dung đó phù hợp với tinh thần quốc tế chân chính đang lên tiếng kêu gọi các dân tộc, quốc gia xích lại gần nhau.

## **Tóm tắt chương 1**

Dân tộc theo nghĩa rộng là một cộng đồng ổn định làm thành nhân dân một nước, có lãnh thổ riêng, nền kinh tế thống nhất, có ngôn ngữ chung và cá ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng và giữ nước. Theo nghĩa rộng, dân tộc có các đặc trưng như sau: có chung một vùng lãnh thổ ổn định; có chung một phương thức sinh hoạt kinh tế; có chung một ngôn ngữ làm công cụ giao tiếp; có chung một nền văn hóa và tâm lý; có chung một nhà nước.

Dân tộc theo nghĩa hẹp là một cộng đồng tộc người được hình thành trong lịch sử, có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung ý thức tự giác tộc người, ngôn ngữ và văn hóa. Cộng đồng này xuất hiện sau bộ lạc, bộ tộc, kế thừa và phát triển cao hơn những nhân tố tộc người của các cộng đồng đó. Theo nghĩa hẹp, dân tộc – tộc người có một số đặc trưng cơ bản sau: cộng đồng về ngôn ngữ; cộng đồng về văn hóa; ý thức tự giác tộc người.

Theo chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc, hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc là: do sự thức tỉnh, sự trưởng thành của ý thức dân tộc mà các cộng đồng dân cư muốn tách ra để xác lập các cộng đồng dân cư độc lập; các dân tộc trong cùng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau. Trong thời đại ngày nay, hai xu hướng khách quan này có biểu hiện đa dạng trong phạm vi một quốc gia; phạm vi quốc tế.

Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin là: các dân tộc hoàn toàn bình đẳng; các dân tộc được quyền tự quyết; liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc. Qua đây đối chiếu được quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin với một số đặc điểm của dân tộc nước ta hiện nay.

## **Chương 2. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG ĐỒNG BÀO CHĂM Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

### **2.1. Đặc điểm dân tộc Việt Nam**

#### **2.1.1. Có sự chênh lệch về số dân giữa các tộc người**

Theo các tài liệu chính thức, Việt Nam có tất cả 54 dân tộc. Trong đó, dân tộc Kinh (Việt) chiếm đa số. Dân số dân tộc Kinh là 82 085 826 người, chiếm 58,3% tổng dân số của nước ta. 6 dân tộc thiểu số có dân số trên 1 triệu người là: Tày, Thái, Mường, Mông, Khmer, Nùng. Trong đó, dân tộc Tày có dân số đông nhất gồm 1,85 triệu người. Có 11 dân tộc có dân số dưới 5 nghìn người, trong đó dân tộc Ô Đu có dân số thấp nhất với 428 người. Người dân tộc thiểu số sinh sống chủ yếu ở vùng trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên. Thực tế, nếu một dân tộc có số dân ít sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong tổ chức cuộc sống, bảo tồn tiếng nói và văn hóa dân tộc, duy trì và phát triển giống nòi. Vì vậy, việc phát triển dân số hợp lý cho các dân tộc thiểu số, đặc biệt là các dân tộc thiểu số rất ít người, đang được Đảng và Nhà nước Việt Nam có những chính sách quan tâm đặc biệt. (Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr.206.)

#### **2.1.2. Các dân tộc cư trú xen kẽ nhau**

Việt Nam vốn là nơi chuyển cư của nhiều dân tộc ở khu vực Đông Nam Á. Do tính chất chuyển cư như vậy nên bản đồ cư trú của các dân tộc đã trở nên phân tán, xen kẽ và làm cho các dân tộc ở Việt Nam không có lãnh thổ tộc người riêng. Vì vậy không có một dân tộc nào ở Việt Nam cư trú tập trung và duy nhất trên một địa bàn.

Đặc điểm này một mặt tạo điều kiện thuận lợi để các dân tộc tăng cường hiểu biết, mở rộng giao lưu, giúp đỡ nhau cùng phát triển, tạo nên một nền văn hóa thống nhất trong sự đa dạng. Mặt khác, nhiều tộc người sống xen kẽ khiến cho quá trình sinh sống cũng dễ nảy sinh mâu thuẫn, xung đột, tạo kẽ hở cho các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc để phá hoại an ninh chính trị và sự thống nhất của đất nước. (Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr.206, 207)

### **2.1.3. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam phân bố chủ yếu ở địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng**

Dù chỉ chiếm 14,3 % dân số nhưng 53 dân tộc thiểu số Việt Nam lại cư trú trên  $\frac{3}{4}$  diện tích lãnh thổ và những địa bàn trọng yếu của quốc gia về cả kinh tế, an ninh, quốc phòng, môi trường sinh thái – là vùng biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa của đất nước. Một số dân tộc có quan hệ dòng tộc với các dân tộc ở các nước láng giềng và khu vực, ví dụ: dân tộc Thái, Mông, Khmer, Hoa... vì vậy các thế lực phản động thường lợi dụng vấn đề dân tộc để chống phá cách mạng Việt Nam. (Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr.207)

### **2.1.4. Các dân tộc ở Việt Nam có trình độ phát triển không đều**

Các dân tộc ở nước ta có sự chênh lệch khá lớn về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Về phương diện xã hội, trình độ tổ chức đời sống, quan hệ xã hội của các dân tộc thiểu số khác nhau. Về phương diện kinh tế, có thể phân loại các dân tộc thiểu số Việt Nam ở những trình độ phát triển rất khác nhau: một số ít dân tộc còn duy trì kinh tế chiếm đoạt, dựa vào khai thác tự nhiên; tuy nhiên, đại bộ phận các dân tộc ở Việt Nam đã chuyển sang phương thức sản xuất tiến bộ, tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Về văn hóa, trình độ dân trí, trình độ chuyên môn kỹ thuật của nhiều dân tộc thiểu số còn thấp.

Muốn thực hiện bình đẳng dân tộc thì phải từng bước giảm, tiến tới xóa bỏ khoảng cách phát triển giữa các dân tộc về kinh tế, văn hóa, xã hội. Đây là nội dung quan trọng trong đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam để các dân tộc thiểu số phát triển nhanh và bền vững. (Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr.207, 208 )

### **2.1.5. Các dân tộc Việt Nam có truyền thống đoàn kết, gắn bó lâu đời trong cộng đồng dân tộc - quốc gia thống nhất**

Do yêu cầu của quá trình cải biến tự nhiên và nhu cầu phải hợp sức, đoàn kết để cùng đấu tranh chống ngoại xâm nên dân tộc Việt Nam đã hình thành từ rất sớm và tạo ra sự gắn kết chặt chẽ giữa các dân tộc.

Đoàn kết dân tộc trở thành truyền thống quý báu của các dân tộc ở Việt Nam, là một trong những nguyên nhân và động lực quyết định mọi thắng lợi của dân tộc trong các giai đoạn lịch sử; đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược để giành độc lập, thống nhất Tổ quốc. Ngày nay, để thực hiện thắng lợi chiến lược xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam, các dân tộc thiểu số cũng như đa số phải ra sức phát huy nội lực, giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, nâng cao cảnh giác, kịp thời đập tan mọi âm mưu và hành động chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc. (Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr.208, 209)

#### **2.1.6. Mỗi dân tộc có bản sắc văn hoá riêng, góp phần tạo nên sự phong phú, đa dạng của nền văn hoá Việt Nam thống nhất**

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc. Trong văn hóa của mỗi dân tộc đều có những sắc thái độc đáo riêng, góp phần làm cho nền văn hóa Việt Nam thống nhất trong sự đa dạng. Sự thống nhất đó là do các dân tộc đều có chung một lịch sử dựng và giữ nước, đều sớm hình thành ý thức về một quốc gia độc lập, thống nhất.

Xuất phát từ đặc điểm cơ bản của dân tộc Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến chính sách dân tộc, xem đó là vấn đề chính trị - xã hội rộng lớn và toàn diện gắn liền với các mục tiêu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

(Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật, tr.209)

## **2.2. Khái quát về đồng bào Chăm**

### **2.2.1. Vài nét về dân tộc Chăm**

Dân tộc Chăm là dân tộc bản địa cư trú lâu đời ở khu vực miền Trung Việt Nam. Trong quá trình tồn tại và phát triển tộc người, dân tộc Chăm đã sáng lập nên một nhà nước mang quốc hiệu Champa. Do trải qua nhiều biến cố trong lịch sử, dân tộc Chăm ngày nay phân bố phân tán thành nhiều khu vực thuộc các tỉnh thành: Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Định, Phú Yên, Châu Đốc, Tây Ninh, Đồng Nai, Bình Phước, Thành phố Hồ Chí Minh,...



Theo số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019, dân số của dân tộc Chăm tại Việt Nam là 178 948 người, xếp thứ 14 về dân số trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam. Do đặc điểm cư trú, tính chất tôn giáo và sắc thái văn hóa mang tính vùng miền, dân tộc Chăm ở Việt Nam được chia thành 3 nhóm cộng đồng chính là: Chăm H'roi, Chăm Ninh Thuận – Bình Thuận và Chăm Nam Bộ.

### **2.2.2. Đặc trưng kiến thức bản địa của dân tộc Chăm**

#### **2.2.2.1. Tiếng nói:**

Dân tộc Chăm là một trong các dân tộc ở Việt Nam thuộc loại hình nhân chủng Indonesien. Tiếng nói của họ có quan hệ rất gần gũi với các ngôn ngữ của các dân tộc Raglai, Churu, Jarai và Ê-đê, thuộc nhóm ngôn ngữ Mã lai – Đa đảo được xếp chung trong một gia đình ngôn ngữ Nam Đảo (Austronesian)

Ngày nay, người Chăm phân bố cách biệt nhau về điều kiện địa lý và môi trường xã hội nên ngôn ngữ đang có khuynh hướng biến đổi theo xu thế địa phương hóa. Điều này đã dẫn đến sự phân hóa thành ba phương ngữ khác nhau: phương ngữ cộng đồng người Chăm Hroi (tiêu biểu cho người Chăm ở Bình định, Phú Yên); phương ngữ cộng đồng người Chăm Klak (tiêu biểu cho người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận); phương ngữ cộng đồng người Chăm Birau (tiêu biểu cho người Chăm ở An Giang, Tây Ninh, thành phố Hồ Chí Minh). Sự khác biệt chủ yếu của ba phương ngữ này là do cơ cấu ngữ âm theo vùng miền và du nhập một số từ vựng của các tộc người xung quanh qua quá trình giao lưu và tiếp biến văn hóa.

#### **2.2.2.2. Chữ viết**

Lúc đầu, tộc người Chăm vay mượn văn tự Ấn Độ cổ (chữ Sanskrit) để ghi chép và giao dịch hàng ngày. Dần dần, dựa trên hệ thống chữ viết này, người Chăm đã sáng tạo nhiều loại hình chữ viết ngày càng hoàn thiện hơn.

#### **2.2.2.3. Nghệ thuật**

Dân tộc Chăm nổi tiếng với các công trình kiến trúc tháp Chăm. Người Chăm luôn tự hào về những ngôi tháp Chăm-pa cổ kính xây dựng bằng đất nung độc đáo. Tháp

Chăm đặt trong sự gắn kết với cộng đồng dân cư luôn được xem như một trung tâm chính trị, tôn giáo,... là không gian đặc biệt thiêng liêng đối với người Chăm.

Gốm là nghề truyền thống của người Chăm. Làng Chăm Bàu Trúc duy nhất có nghề làm gốm từ lâu đời. Sản phẩm gốm Chăm được trao đổi rộng rãi với nhiều vùng và nhiều tộc người khác.

Múa Chăm còn gọi là múa cộng đồng, diễn ra vào các ngày lễ đầu năm, đầu mùa. Mỗi điệu múa chứa đựng những nội dung khác nhau nhưng đều phản ánh ước vọng của người Chăm trước thần linh, thân tộc, thiên nhiên và cộng đồng. Các nhạc cụ truyền thống của người Chăm rất đa dạng và phong phú bao gồm bộ gõ (gồm các loại trống: ghi nằng, paranung...), bộ hơi (kèn saranai, tù, ốc biển) và bộ dây (đàn ca nhị, nhị mu rùa,...). Nhạc cụ truyền thống là biểu hiện tập trung những thành tựu âm nhạc đã được kết tinh trong suốt chiều dài phát triển của lịch sử cộng đồng người Chăm và được xem là nhạc khí thiêng. Hệ thống nhạc cụ của người Chăm đã góp một phần không nhỏ tạo nên nét văn hóa độc đáo cho nền âm nhạc của người Chăm cũng như hệ thống âm nhạc cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Những giá trị đặc trưng cơ bản vốn có của nghệ thuật truyền thống Chăm được thể hiện đầy đủ trên mọi phương diện, lĩnh vực, gắn liền với đời sống tâm linh, phong tục, tập quán, tín ngưỡng tôn giáo, sinh hoạt lao động và sinh hoạt văn hóa, góp phần tạo nên diện mạo, bản sắc riêng của dân tộc Chăm.

Dân tộc Chăm có nền văn học đa dạng, phong phú, phát triển từ bao đời với dòng văn học viết quan trọng là sử thi. Bên cạnh đó, dân tộc Chăm còn có kho tàng lớn các tác phẩm văn học dân gian và thơ ca dân gian.

## **2.3. Thực trạng phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao đời sống đồng bào Chăm ở nước ta thời gian qua**

### **2.3.1. Những mặt đạt được và nguyên nhân**

#### **2.3.1.1. Những mặt đạt được**

##### **a) Về phát triển kinh tế**

Về đất đai, mô hình sản xuất cá thể đã được áp dụng rộng rãi trong quản lý nông nghiệp, nông thôn. Đi cùng với những thay đổi trong quản lý đất đai, mục đích sử dụng đất của người Chăm cũng có những thay đổi nhất định. Trong thời kỳ giao đất cho hộ sử dụng lâu dài, truyền thống sở hữu tập thể của cộng đồng ở người Chăm nói chung không phục hồi đất chung của các cộng đồng cục bộ như ruộng kut, ruộng đền tháp, thánh đường... Các loại đất này đều thuộc quỹ đất nông nghiệp được giao cho hộ gia đình và cá nhân sử dụng vào mục đích nông nghiệp. Đồng thời với sự phân hoá về đất đai, giai đoạn kinh tế hộ này cũng đã có sự phân hoá về xã hội

Về trồng trọt, nền nông nghiệp vẫn mang tính tự cấp, tự túc. Nông nghiệp được đánh dấu bằng sự biến đổi của phương thức khai thác nương rẫy. Từ tự cấp tự túc, rẫy núi và rẫy ở các động cát ven biển đã được trồng cây hàng hoá, chủ yếu là vùng và dưa lấy hạt. Do sản xuất hàng hoá đòi hỏi thâm canh tăng vụ, máy móc nông nghiệp, phân hoá học, thuốc trừ sâu, phương tiện vận chuyển và thu hoạch đã được sử dụng.

Về chăn nuôi, cũng như các tộc người khác, cùng với trồng trọt, chăn nuôi chiếm giữ vai trò quan trọng trong đời sống người Chăm. Người Chăm chủ yếu nuôi trâu, bò, dê, cừu, lợn,...những vật nuôi này có khả năng sinh sản tốt và phù hợp với điều kiện môi trường, sinh thái của khu vực các tỉnh. Trong đời sống kinh tế của người Chăm thì chăn nuôi gia cầm như gà, vịt,... trở lên phổ biến và gắn liền với mọi sinh hoạt gia đình, cộng đồng. Hiện nay, việc chăn nuôi đã được coi là một nguồn lực để phát triển kinh tế, một loại hàng hóa có giá trị khi trao đổi ra bên ngoài. Hiện nay, trong các xã của vùng Chăm đang có xu hướng đẩy mạnh chăn nuôi theo hướng năng suất cao, chi phí thấp, phát triển bền vững. Sự chuyển dịch cơ cấu giống, vật nuôi ở vùng Chăm trong những năm gần đây đã mang đến những thay đổi về tập quán chăn nuôi của người dân.

Về nghề thủ công, đây là truyền thống của Người Chăm ở các tỉnh có từ lâu đời, với nhiều nghề phổ biến như: làm gốm, dệt thổ cẩm, đan lát, làm xe bò, nung gạch, làm nón, làm bánh tráng, làm chiếu, nghề kim hoàn, nghề đúc đồng, điêu khắc... các nghề này hầu như hoàn toàn không còn lưu truyền nữa. Hiện nay, người Chăm chỉ còn lưu giữ nghề làm gốm và nghề dệt là chính, tạo nên bản sắc văn hóa của người Chăm.

Về cơ cấu ngành nghề hiện nay, hoạt động thương mại dịch vụ của người Chăm ở các tỉnh có phần phát triển hơn trước, đời sống của đồng bào Chăm đã cải thiện về mọi mặt. Các hoạt động thương mại cá thể trong vùng Chăm cũng ngày càng nhộn nhịp, với các loại hình phục vụ cho đời sống thường nhật của cộng đồng như: cửa hiệu cất may thời trang theo kiểu hiện đại, các loại hình dịch vụ xe du lịch.... Do đó, mặc dù xu hướng giảm dần tỷ trọng trong nông nghiệp và tăng dần tỷ trọng trong thương mại - dịch vụ trong hoạt động kinh tế ở vùng Chăm, nhưng đây là hướng phát triển hợp lý theo định hướng công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn.

Về cơ cấu ngành chăn nuôi, sự chuyển dịch trong cơ cấu cây trồng vật nuôi rõ nét, đồng bào Chăm ở các tỉnh, tập trung chuyên canh nông nghiệp trồng lúa, năng suất khá cao, chủ động được nguồn nước tưới cho sản xuất.

Các năm trở lại đây, chính quyền đã có nhiều chương trình, dự án được đầu tư tại vùng đồng bào Chăm, tạo chuyển biến tích cực, nâng cao trình độ sản xuất của đồng bào Chăm, nên năng suất và chất lượng sản phẩm mỗi năm đều tăng cao, quy mô sản xuất được mở rộng đã hình thành nhiều vùng chuyên canh tập trung. Đối với các cây trồng chính hàng năm, nhờ xây dựng các hồ chứa nước và hệ thống tưới tiêu đồng bộ nên tổng diện tích gieo trồng đến năm 2015 đạt 105.638 ha, trong đó vùng đồng bào Chăm chiếm khoảng 1/3 diện tích gieo trồng, các cây trồng chủ lực chủ yếu là: cây lúa, cây bắp, cây nho, cây táo.

Sản xuất nông nghiệp vùng đồng bào Chăm những năm gần đây phát triển khá, cả về trồng trọt và chăn nuôi; các hoạt động khuyến nông, chuyển giao ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất được đẩy mạnh. Cùng với trồng trọt chăn nuôi được xác định là ngành sản xuất chính của đồng bào Chăm, những năm trước đây chăn nuôi heo và nuôi trâu, bò quản canh truyền thống thì những năm gần đây đại bộ phận hộ chăn nuôi theo bán thâm canh và chăn nuôi trang trại. Đối với chăn nuôi đã có chiều hướng phát

triển theo gia trại và trang trại, từng bước khôi phục và ổn định đàn, đa số các hộ đồng bào Chăm đều có chăn nuôi tại gia đình với quy mô nhỏ lẻ, một số gia đình mở rộng chăn nuôi tập trung theo kinh tế trang trại.

Trong 10 năm qua, các ngành nghề truyền thống như đồ gốm, đan lát, dệt thổ cẩm của đồng bào được duy trì. Ủy ban nhân dân các tỉnh đã hỗ trợ khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống như nghề gốm, dệt thổ cẩm của đồng bào Chăm. Từ nguồn vốn đào tạo nghề cho lao động nông thôn, các cơ sở dạy nghề của tỉnh và các Trung tâm dạy nghề cấp huyện đã đào tạo nghề cho người lao động.

Bên cạnh đó, dân tộc Chăm còn học hỏi và phát triển những ngành nghề mới. Nghề thuốc Nam của đồng bào Chăm ở địa phương đã có từ lâu đời. Các bài thuốc được lưu giữ và được người Chăm giữ làm bí quyết gia truyền của từng gia đình, dòng họ. Trước đây, nghề thuốc Nam của người Chăm chủ yếu phục vụ cộng đồng, trong những năm sau này, số hộ người Chăm đã chủ động đem các bài thuốc gia truyền đi bán ở khắp các địa phương trong cả nước

Đi làm ăn xa ở người Chăm ở các tỉnh là đi làm toàn bộ thời gian, thoát ly với địa phương, chỉ trở về nhà vào các dịp lễ, tết, là một hoạt động đóng góp phụ trợ cho kinh tế gia đình. Loại hình đi làm ăn xa được lựa chọn hầu hết là buôn bán, công nhân tại các nhà máy, khu công nghiệp, làm thuê trong nông nghiệp ở trong vùng Chăm hoặc khu vực lân cận. Các nghề thường được người Chăm lựa chọn khi làm ăn xa là: công nhân, nhân viên văn phòng, phụ giúp việc nhà, gia công hàng thủ công mỹ nghệ... Những đóng góp kinh tế của người làm ăn xa đối với gia đình đã mang lại nhiều giá trị. Trước hết đó là việc tăng thu nhập để có thể mua sắm vật dụng, nâng cao điều kiện sống hàng ngày. Mặt khác, cũng là cơ hội để góp phần nâng cao khả năng, trí thức lao động, điều kiện tiếp nhận thông tin, tăng cường giao lưu tiếp biến các giá trị văn hóa với các dân tộc và vùng miền khác nhau.

Qua phân tích quá trình chuyển biến kinh tế của người Chăm hiện nay có thể thấy kinh tế của tộc người này có những biến đổi theo hướng tích cực

## **b) Về phát triển xã hội**

Về quy mô gia đình, gia đình của người Chăm thuộc kiểu gia đình mẫu hệ, trong gia đình bao gồm một cặp vợ chồng và các con cái, ngoài ra có thêm ông bà. Người đàn bà lớn tuổi, có uy tín thuộc thế hệ cao nhất được coi là chủ gia đình, có trách nhiệm đối với mọi thành viên về mọi mặt kinh tế, tôn giáo lễ nghi và cuộc sống hàng ngày. Gia đình của người Chăm ở các tỉnh có các loại hình sau: *Thứ nhất*, đại gia đình mẫu hệ cổ truyền: Trước đây toàn bộ thành viên của loại gia đình này cùng ở chung trong một tổ hợp kiến trúc nhà ở được bao bọc bởi một khuôn viên. *Thứ hai* là gia đình hỗn hợp hay gia đình không phân chia: gồm hai cặp vợ chồng trở lên cùng con cái người thân của họ ở chung, có cơ sở kinh tế chung. Đây là loại gia đình tương đối phổ biến hiện nay ở các vùng Chăm. *Thứ ba* là gia đình hạt nhân: Đây là loại hình gia đình đang hình thành và phát triển mạnh mẽ, dần dần chiếm tỷ lệ phổ biến trong xã hội Chăm hiện đại. loại hình này đã có từ lâu nhưng mãi đến nay vẫn được tiếp tục hình thành. Đặc biệt là trong công cuộc đổi mới, hội nhập, gia đình hạt nhân phát triển khá nhanh chóng theo hướng các cặp vợ chồng vốn là tế bào của đại gia đình tự tách ra xây dựng cơ sở kinh tế độc lập và nhà ở riêng biệt

Với nền tảng của chế độ mẫu hệ, vị trí của người phụ nữ được khẳng định và quan trọng hơn. Trong gia đình của người Chăm trước kia, tài sản được coi là quý, bao gồm trâu, ruộng, nồi đồng, mâm đồng, chiêng, bạc trắng, tiền đồng. Những tài sản này do người vợ nắm giữ, mọi thành viên trong gia đình chỉ sử dụng khi được sự đồng ý của chủ gia đình. Hiện nay, trong gia đình người Chăm đang có sự biến đổi lớn về quyền quyết định các công việc trong gia đình, chẳng hạn như tỉ lệ đứng tên chủ hộ là nam giới tăng cao;

Trong xã hội truyền thống của người Chăm mọi công việc trong gia đình đều do cha mẹ quyết định, con cái phải tuân theo và phục tùng. Không những quyết định trong phân chia tài sản, việc làm cho các con mà bố mẹ còn có quyền can thiệp vào hôn nhân của con cái. Ngày nay một số gia đình, không còn hiện tượng cha mẹ chia hết tài sản cho con, cha mẹ luôn giữ lại một phần tài sản với mục đích để phòng thân, tránh trường hợp con cái đối xử với cha mẹ không tốt dẫn đến bố mẹ không có nơi nương tựa. Khi cha mẹ mất đi, người con nào có trách nhiệm trong việc lo tang ma thì người đó có



quyền được hưởng thừa kế phần tài sản còn lại của bố mẹ. Tài sản riêng của bố mẹ thường là nhà cửa tiền hay gia súc.

Về một số lễ cúng, người Chăm cũng thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn, một dạng giá trị tinh thần, thông qua tập tục thờ cúng tổ tiên ông bà.

Về hôn nhân, họ tộc ở người Chăm hàm chứa một số đặc trưng cơ bản, trước hết đó là một tập thể ngoại hôn. Tất cả những người cùng một “gâup gan” được gọi là “pupah” với nhau, cùng thờ cúng một “atau” dù xa đến mấy đời cũng không được có quan hệ hôn nhân với nhau. Người trong họ lấy nhau bị coi là tội loạn luân (gam), phải làm lễ tạ tội tại nghĩa địa. Cho đến nay nguyên tắc ngoại hôn dòng họ vẫn được người Chăm luân thủ nghiêm khắc. Cha mẹ thường dạy cho con cái rất kỹ càng về nguyên tắc này, chỉ rõ cho con cái biết ai có thể kết hôn được, ai không thể được. Sự ràng buộc tộc họ có phần giảm bớt, do yếu tố tự nguyện được tôn trọng hơn

Về tang chế, người Chăm dù theo tôn giáo nào, sau khi chết cũng được an táng vào nghĩa địa, tuy cách an táng và hình thức nghĩa địa tộc họ có khác nhau, đã có sự cởi mở tương tự, đặc biệt đối với đồng bào Chăm Bàlamôn. Những tộc họ hiện chưa có kut thì khi thành viên qua đời, không còn chịu sự ràng buộc của tộc họ, nhất thiết phải tiến hành lễ hỏa táng

Về trật tự xã hội, khi trong tộc họ xuất hiện sự xích mích, bất hòa giữa một vài gia đình thành viên thì trưởng tộc họ sẽ tổ chức dùng quan hệ tộc họ để tiến hành hòa giải, hàn gắn. Do chịu ảnh hưởng, ràng buộc về nhiều mặt với tộc họ, nên các gia đình thành viên thường phải chấp hành, nghe theo sự phân định hòa giải của tộc họ.

Về kinh tế họ tộc, trong chế độ xã hội còn tư hữu về ruộng đất, mỗi tộc họ đều có sở hữu một số diện tích ruộng đất mang tính chất tộc họ với các tên gọi như “hamu bhum”, “hamu kut”, “hamutalang”, “hamu gop”. Đây là biểu hiện về cơ sở kinh tế bảo đảm sự thống nhất giữa các thành viên trong thiết chế tộc họ.

Cấu trúc tổ chức của làng cug<sup>4</sup> có nhiều thay đổi. Palei là đơn vị cư trú, đồng thời là đơn vị kinh tế, văn hóa xã hội, tôn giáo, tín ngưỡng mang tính tự quản, cho nên, trong mỗi Palei thường tồn tại nhiều tổ chức sinh hoạt khác nhau. Trong Palei Chăm thường

gồm có 5 tổ chức chính song song tồn tại: Tổ chức hành chính, tổ chức dòng họ, tổ chức hội đồng bộ lão, tổ chức tôn giáo và tổ chức tín ngưỡng dân gian.

Ngày nay palei Chăm không còn tồn tại nữa, mà thay vào đó là đơn vị hành chính thôn, đứng đầu là Trưởng thôn và Phó thôn. Song song đó là tổ chức an ninh trật tự gồm Trưởng công an thôn và Đội du kích thôn. Ngoài ra, còn có tổ chức Đoàn, Hội,... như Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Việt Nam, Hội Bảo Thọ, Hội Phụ Nữ, Hội Khuyến Nông, ...

### **2.3.1.2. Nguyên nhân, yếu tố giúp phát triển**

Đầu tiên là đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước. Ngay từ sau giải phóng 1975, các tỉnh đã có những chính sách hỗ trợ, giúp đỡ đồng bào Chăm sớm có cuộc sống ấm no ổn định. Ủy ban nhân dân cách mạng đã tiến hành tịch thu ruộng đất của địa chủ, những người làm việc cho chính quyền và quân đội Sài Gòn, một số phú nông có liên quan đến chính quyền Sài Gòn chia cho nông dân không có ruộng.

Bằng nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ưu tiên đầu tư, đến nay cơ sở hạ tầng tương đối đồng bộ, giao thông đi lại được thuận tiện, tạo điều kiện thuận lợi kinh tế đồng bào Chăm phát triển.

Thứ hai đến từ yếu tố nội tại của cộng đồng tộc người là nguồn lực chung, bao gồm các thành tố cơ bản là điều kiện địa lý tự nhiên, nguồn lực văn hóa, và nhất là yếu tố con người trong tổng thể chung của cộng đồng đó.

Trong những năm qua, nhìn chung đội ngũ cán bộ người Chăm ở các tỉnh đã phát huy được vai trò của mình. *Một*, cán bộ người Chăm ở các tỉnh luôn khẳng định vai trò nòng cốt dẫn đến sự biến đổi kinh tế - xã hội địa phương. *Hai*, cán bộ người Chăm đảm nhiệm các vị trí chủ chốt của huyện, nơi tập trung đông đồng bào Chăm sinh sống. *Ba*, cán bộ người Chăm đã góp phần nòng cốt trong các phong trào phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa của các địa phương.

Với những kết quả trên, cho thấy Đảng và chính quyền địa phương vùng Chăm lấy lợi ích và lòng tin vào đồng bào Chăm làm cơ sở và mục đích của việc xây dựng hệ thống chính trị.

Trong những năm gần đây, nhà nước ta đã được tăng cường đầu tư, nhiều tiến bộ kỹ thuật mới được chuyển giao tại vùng đồng bào Chăm, như mô hình “1 phải 5 giảm” (“1 phải” là, phải sử dụng giống xác nhận; “5 giảm” gồm: giảm lượng giống gieo sạ, giảm lượng phân bón, giảm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, giảm lượng nước và giảm thất thoát sau thu hoạch)., “cánh đồng mẫu lớn”, mô hình thâm canh cây đậu xanh trên đất lúa, mô hình trồng mè trong vụ hè thu... Những năm qua, các tỉnh có người Chăm sinh tập trung sinh sống đã đẩy mạnh hoạt động liên kết giữa nhà khoa học, doanh nghiệp với nông dân và đạt nhiều kết quả tích cực trong hình thành mối liên kết khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ.

Giao lưu văn hóa là sự tương tác giữa các nhóm xã hội, giữa các tiểu vùng văn hóa, giữa các văn hóa tộc người và giữa các nền văn hóa khác nhau. Có thể thấy rằng sự giao lưu văn hóa Việt - Chăm là biểu hiện của tương tác liên văn hóa. Quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa của người Chăm đối với người Việt, ngày càng phổ biến, được biểu hiện cụ thể trong các phương diện sau: Trong giao tiếp, trang phục, nhà ở, hôn nhân, buôn bán...

### **2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân**

#### **2.3.2.1. Những hạn chế**

##### **a) Nông nghiệp**

Về phát triển nông nghiệp, tuy đã được phổ cập kiến thức cũng như có sự phát triển lâu đời về phương pháp canh tác nhưng vẫn có thiếu thốn về mặt phương tiện sản xuất. Nhiều nơi nông cụ còn lạc hậu, điều kiện khí hậu ở nhiều nơi không lí tưởng cho nhiều loại cây..

Về trồng trọt, địa bàn sinh sống và làm việc của người Chăm ở những nơi có thời tiết thất thường như rét đậm, rét hại ảnh hưởng đến cây trồng, hạn hán, lũ lụt dễ xảy ra ở đồng bằng, xạt lở ở vùng núi, năm nào cũng có.

Về chăn nuôi, hệ thống sản xuất thiếu đồng bộ, không liên kết chặt chẽ từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ, giá thành sản phẩm còn cao, chưa có thương hiệu và chưa được quảng bá rộng rãi, thức ăn chăn nuôi, con giống hay các loại thuốc thú y còn phải nhập khẩu nhiều nên giá còn cao.

## **b) Công nghiệp**

Các làng nghề thủ công mỹ nghệ ở tỉnh ta đang gặp những khó khăn về vốn, thị trường tiêu thụ, công nghệ... khiến hoạt động của nhiều làng nghề rơi vào tình trạng cầm chừng. Trước hết, các làng nghề gặp khó khăn do sản xuất chủ yếu theo kiểu tự phát, chưa có quy hoạch cụ thể, quy mô sản xuất nhỏ, công nghệ lạc hậu, trình độ tay nghề lao động không đồng đều. Đặc biệt, các cơ sở vẫn chưa chú trọng đến chiến lược xây dựng và phát triển thương hiệu cho sản phẩm của mình, do đó, có hiện tượng hàng không đảm bảo, mất khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Hiện nay, phần lớn các làng nghề chậm thay đổi về mô hình, chủ yếu là kinh doanh hộ, mô hình doanh nghiệp và hợp tác xã còn ít. Hoạt động sản xuất kinh doanh tự phát, các hộ làm nghề trong làng nghề chưa có sự gắn kết chặt chẽ nên hiệu quả sản xuất kinh doanh chưa cao.

Về ngành thuốc Nam, việc tiết lộ các bài thuốc là nguyên nhân dẫn đến tình trạng cây thuốc quý bị tận diệt, đi tìm thuốc gian nan hơn do các cây thuốc tốt thường mọc ở chỗ sâu trong các hẻm đá, thị trường thuốc Nam chưa được thịnh hành như Đông y hay Tây y. Ngoài ra, làm ăn xa chủ yếu là lao động tự do, việc làm không ổn định, không có địa chỉ cụ thể, nên khó có xác nhận của chính quyền địa phương

Bên cạnh đó là những hạn chế về cấu trúc xã hội. Về tổ chức gia đình, các tộc người theo mẫu hệ này, quyền lực thực tế không thuộc về nữ giới mà thuộc về nam giới. Mặc dù ở các tộc người này, quan hệ huyết thống và quan hệ thừa kế đều được tính theo dòng mẹ, nhưng điều đó không nhất thiết có nghĩa là người mẹ hay một người phụ nữ cụ thể nắm quyền cai trị gia đình, thị tộc hay bộ tộc

Về làng, không ít giá trị từng được xem là tiêu biểu của cộng đồng làng xã, nay được nhìn nhận như những trở ngại cho sự phát triển. Sự du nhập của những yếu tố văn hóa ngoại lai cũng gây nên nhiều tác động tiêu cực, làm phai nhạt nét đặc trưng của văn hóa làng.

### **2.3.2.2. Nguyên nhân**

Mặc dù cơ chế thị trường đã xác định được lợi thế so sánh từng vùng, nhưng vẫn còn thiếu các chính sách phân vùng để phát triển sản xuất phù hợp với điều kiện tự nhiên

và kinh tế, xã hội đặc thù của từng vùng. Hệ thống chính sách ban hành chưa đồng bộ, cơ chế thực thi chính sách còn yếu và thiếu sự phối hợp.

Sự không đồng bộ trong chính sách thường gặp ở nhóm chính sách di dân hay hỗ trợ phát triển sản xuất- những nhóm chính sách cần sự kết hợp của nhiều giải pháp hay có phạm vi rộng, liên quan đến nhiều lĩnh vực.

Cơ chế thực thi chính sách phức tạp và thiếu sự đồng bộ trước hết thể hiện ở khâu tổ chức quản lý thực hiện. Về một số chương trình quốc gia nhằm mục đích phát triển KTXH hay giảm nghèo, có thể thấy do chương trình quốc gia gồm nhiều lĩnh vực, do nhiều cấp từ trung ương cho đến địa phương thực hiện nên mặc dù mỗi chương trình đều nêu trách nhiệm của từng bộ ngành ở cấp trung ương, thậm chí nêu cả trách nhiệm của một số cấp chính quyền địa phương song sự phối hợp chưa tốt khiến cho không chỉ việc thực thi chính sách khó khăn mà hiệu quả của chính sách giảm hẳn.

Thiếu chính sách phân vùng nên đến nay, chúng ta hầu như chưa hình thành được vùng sản xuất hàng hóa tập trung cho các vùng dân tộc thiểu số. Trong khi, sản xuất hàng hóa không phát triển, đồng nghĩa với việc bà con không thể mở rộng sản xuất, không nâng cao thu nhập nên đời sống còn tiếp tục khó khăn.

Tiếp theo là yếu tố nội tại của cộng đồng người Chăm Đồi ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số còn thiếu, nhiều dân tộc chưa có cán bộ chủ chốt ở cấp cơ sở; trình độ chuyên môn nhìn chung còn thấp: ở cấp tỉnh, tỷ lệ cán bộ người dân tộc thiểu số có trình độ cao đẳng, đại học 77,26%, cấp huyện là 45,63%, cấp xã, cán bộ có trình độ cao đẳng, đại học rất thấp, chỉ chiếm 5,87%, còn lại 94,13% là sơ cấp và trung cấp và chưa qua đào tạo. Năng lực thực thi công vụ hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước và xử lý các tình huống, vấn đề phát sinh ở cơ sở.

Vùng dân tộc, miền núi vẫn là vùng nghèo nhất, khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn, chênh lệch về thu nhập và đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi so với vùng đồng bằng ngày càng gia tăng; đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số còn rất khó khăn.

Trình độ, kiến thức về công nghệ thông tin của người dân, doanh nghiệp chưa đồng đều.

Cuối cùng là hạn chế của cơ sở hạ tầng. Hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi tuy được quan tâm đầu tư song vẫn còn nhiều yếu kém và hiện mới chỉ phục vụ nhu cầu dân sinh thiết yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế thị trường; chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa khai thác hết tiềm năng lợi thế của vùng.

Hiện nay còn 27 xã chưa có đường giao thông đến trung tâm xã, 360 xã chưa có đường ô tô đi được bốn mùa, 14.093 thôn, bản chưa có đường giao thông cho xe cơ giới, 204 xã và 8.100 thôn, bản chưa có điện thấp sáng, 32% số hộ chưa có nước sinh hoạt hợp vệ sinh, 16,4% trường lớp chưa được kiên cố, số thôn, bản chưa có nhà trẻ, mẫu giáo chiếm tới 75,6%, 758 xã và 16.284 thôn, bản chưa có nhà sinh hoạt cộng đồng.

## **2.4. Giải pháp phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao đời sống đồng bào Chăm ở nước ta thời gian tới**

### **2.4.1. Phát huy những mặt đạt được**

Các cấp chính quyền tiếp tục huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng đồng bào Chăm, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào Chăm. Đưa ra các nhiệm vụ và giải pháp nhằm tiếp tục phát huy những thành tựu mang lại cho đồng bào.

Về phát triển kinh tế, chăm lo đời sống, tập trung phát triển sản xuất, ổn định đời sống, gắn với giảm nghèo bền vững vùng đồng bào Chăm, chú trọng công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, chăm lo đời sống đồng bào, nhất là các đối tượng có thu nhập thấp, tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả việc đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2020 định hướng đến năm 2030.

Về đầu tư hạ tầng, tiếp tục đầu tư xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng cơ sở, chú trọng hệ thống giao thông nội đồng, kênh mương thủy lợi, chợ, trường học và hạ tầng các làng nghề truyền thống ...

Đẩy mạnh phong trào toàn dân đưa trẻ đến trường, khuyến khích và đẩy mạnh việc dạy học tiếng Chăm trong các trường tiểu học. Rà soát các trường học, trạm y tế



đang xuống cấp để hỗ trợ kinh phí sửa chữa, xây dựng mới. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám chữa bệnh cho nhân dân. Tiếp tục sưu tầm, nghiên cứu, bảo vệ, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của đồng bào Chăm. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc góp phần ổn định an ninh trật tự và phát triển kinh tế- xã hội ở vùng đồng bào Chăm.

Về tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, cần chủ động đấu tranh ngăn chặn các hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, làm tốt công tác tôn giáo trong cộng đồng người Chăm, chủ động nắm bắt tâm tư của đồng bào Chăm để kịp tháo gỡ, giải quyết vướng mắc nếu phát sinh.

Về công tác xây dựng chính quyền, đoàn thể và đào tạo cán bộ, tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, sử dụng cán bộ người dân tộc thiểu số nói chung, người Chăm nói riêng, tăng cường sức mạnh của hệ thống chính trị ở cơ sở đi liền với việc đào tạo, sử dụng hợp lý cán bộ là người Chăm trong hệ thống chính trị, các ngành và địa phương cần bố trí nguồn lực tốt cho đồng bào dân tộc thiểu số và người Chăm như vay vốn, cấp đất sản xuất, ...

#### **2.4.2. Giải pháp giải quyết hạn chế về nông nghiệp**

Chúng ta phải tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất về giáo dục; chính sách về dạy nghề cho lao động nông thôn, nhất là lao động là người dân tộc thiểu số. Quan tâm đào tạo và cung ứng lao động dân tộc thiểu số làm việc trong các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tại các doanh nghiệp và xuất khẩu lao động.

Bên cạnh đó, tiếp tục đầu tư, củng cố mạng lưới y tế cấp xã; nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường công tác tuyên truyền nhằm ngăn chặn, đẩy lùi các hủ tục lạc hậu trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, như tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống; tục lệ phạt vạ, giết trâu, mổ bò nhân các dịp lễ, tết gây tốn kém... Đẩy mạnh các hoạt động y tế dự phòng trong nhân dân.

Phát triển mạnh các vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị trên cơ sở phát huy lợi thế sản phẩm của địa phương. Đồng thời, đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất, nhằm tăng năng suất, chất lượng, giá trị, tăng khả năng cạnh tranh, nâng cao thu nhập.

Thêm nữa, với mục tiêu hỗ trợ hoàn thiện quy trình sản xuất, hợp tác xã phát triển chuỗi giá trị các sản phẩm đặc sản địa phương từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm ra thị trường, ứng dụng khoa học công nghệ, hỗ trợ lãi suất, quy hoạch vùng sản xuất hàng hóa tập trung, đầu tư xây dựng trung tâm. Tổ chức xúc tiến thương mại các sản phẩm nông sản địa phương...

#### **2.4.3 Giải pháp giải quyết hạn chế về các ngành nghề thủ công**

Để bảo tồn và phát triển nghề và làng nghề truyền thống Chăm trong thời gian tới, cũng rất cần giải pháp đẩy mạnh kết nối du lịch với làng nghề. Ông Hồ Sĩ Sơn, Phó giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Ninh Thuận, cho biết: “Chúng tôi thường xuyên làm công tác quảng bá cho các làng nghề thông qua website du lịch, đồng thời Sở cũng kết nối cho công ty lữ hành... Còn về phía làng nghề cũng phải có sản phẩm hài lòng khách du lịch, tổ chức các hoạt động văn nghệ phục vụ du khách.”

Giải pháp quan trọng khác là thay đổi phương thức đào tạo nghề truyền thống hiện nay. Bà Say Mah, nghệ nhân dệt thổ cẩm Châu Giang, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, cho biết: ““Nghệ nhân chúng tôi phải khuyến khích, vun đắp, làm cho con cháu hiểu được tính nghệ thuật, tính văn hóa dân tộc. Phải có thời gian để làm nghề thành thạo, chuyên nghiệp thì mới phát huy được nghề. Người nghệ nhân biết ai có thể đào tạo, truyền nghề để sau này phát huy được.”

Để tạo điều kiện cho các làng nghề dân tộc Chăm duy trì và phát triển, thời gian qua, Trung ương và các địa phương đã đầu tư hàng chục tỷ đồng để xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ vốn, đào tạo nghề, quảng bá sản phẩm... Kết hợp hỗ trợ từ Trung ương tới địa phương, nghề thủ công truyền thống của dân tộc Chăm mới có thể duy trì và phát triển bền vững được. Sự gắn kết giữa khôi phục nghề thủ công truyền thống, quảng bá tiềm năng thương mại - dịch vụ di lịch sẽ giúp các làng nghề thủ công trong đồng bào dân tộc Chăm tận dụng được ưu thế và bản sắc riêng, giải quyết việc làm, ổn định đời sống cho đồng bào dân tộc.

## **Tóm tắt chương 2**

Dân tộc Chăm là dân tộc bản địa cư trú lâu đời ở khu vực miền Trung Việt Nam. Trong quá trình tồn tại và phát triển tộc người, dân tộc Chăm đã sáng lập nên một nhà nước mang quốc hiệu Champa. Do trải qua nhiều biến cố trong lịch sử, dân tộc Chăm ngày nay phân bố phân tán thành nhiều khu vực thuộc các tỉnh thành: Ninh Thuận, Bình Thuận, Bình Định, Phú Yên, Châu Đốc, Tây Ninh, Đồng Nai, Bình Phước, Thành phố Hồ Chí Minh,...

Hiện nay, đồng bào dân tộc Chăm đã phát triển về nhiều mặt, kinh tế lẫn xã hội. Sản xuất nông nghiệp vùng đồng bào Chăm những năm gần đây phát triển khá, cả về trồng trọt và chăn nuôi; các hoạt động khuyến nông, chuyển giao ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất được đẩy mạnh. Để nâng cao đời sống văn hóa của người Chăm ở Thành phố Hồ Chí Minh, một trong những biện pháp cần được đề cập trước hết chính là đời sống kinh tế. Các biện pháp thuộc về giáo dục và văn hóa cũng có tính chất căn bản không kém, bởi nâng cao được mặt bằng dân trí và thúc đẩy được giao lưu văn hóa thì sẽ giúp cho cộng đồng có thể có thể tự tìm ra phương tiện để cải thiện đời sống vật chất cũng như đời sống văn hóa tinh thần

Sự thành công đầu tiên đến từ đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước. Ngay từ sau giải phóng 1975, các tỉnh đã có những chính sách hỗ trợ, giúp đỡ đồng bào Chăm sớm có cuộc sống ấm no ổn định. Thứ hai đến từ yếu tố nội tại của cộng đồng tộc người là nguồn lực chung, bao gồm các thành tố cơ bản là điều kiện địa lý tự nhiên, nguồn lực văn hóa, và nhất là yếu tố con người trong tổng thể chung của cộng đồng đó.

Hoạt động kinh tế của người Chăm ở các tỉnh luôn biến đổi. Đây là điều hiển nhiên trong tiến trình phát triển xã hội tộc người, cũng như phát triển đất nước. Sự thay đổi này là do sự tác động của nhiều yếu tố, như chính sách phát triển của Nhà nước, quá trình giao lưu sống cộng cư giữa các tộc người, sự phát triển của khoa học kỹ thuật... Sự thay đổi này là nhân tố tích cực giúp cộng đồng tộc người Chăm tiếp tục phát triển, phù hợp với điều kiện mới trong bối cảnh phát triển chung của đất nước, nhưng nó cũng đem tới những vấn đề đang được “bàn cãi” là mất dần bản sắc tộc người, đặc biệt các vấn đề liên quan đến tri thức tộc người trong hoạt động kinh tế của họ.

### III. KẾT LUẬN

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội, hiện tượng giao lưu kinh tế, văn hóa - xã hội giữa các vùng miền, các dân tộc, văn hóa Chăm thể hiện tính giao thoa sâu sắc và có nhiều đổi khác so với nền văn hóa truyền thống. Một mặt, văn hóa Chăm tiếp thu những nét độc đáo, hiện đại của các nền văn hóa khác, đặc biệt là văn hóa người Việt, bổ sung và làm phong phú thêm bản sắc văn hóa truyền thống, đồng thời loại bỏ, sàng lọc những hủ tục lỗi thời về phong tục, tập quán, tín ngưỡng. Mặt khác, sự biến đổi của văn hóa Chăm đã có những biểu hiện rõ nét của sự mất dần bản sắc truyền thống đã không còn phổ biến, không còn được nhiều người biết đến nữa, đặc biệt là thanh niên.

Sự biến đổi các giá trị văn hóa và tính cố kết cộng đồng của dân tộc Chăm được biểu hiện rất phong phú, đa dạng trên nhiều lĩnh vực: tập quán và công cụ sản xuất, tập quán sinh hoạt thường nhật và tiêu dùng, quan hệ gia đình dòng họ và cách thức tổ chức đời sống cộng đồng; tập quán tín ngưỡng, lễ hội, ma chay, cưới xin,... Tuy nhiên, có thể khẳng định rằng, tập quán sản xuất và công cụ sản xuất là hai yếu tố biến đổi mạnh mẽ nhất, tiếp đến là tổ chức đời sống cộng đồng. Đồng thời, đây cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng tác động tới sự biến đổi các giá trị văn hóa khác.

Sự biến đổi của tập quán và công cụ sản xuất, tiêu dùng thể hiện ở việc ứng dụng Khoa học kỹ thuật hiện đại trong sản xuất như đưa giống mới cây trồng, vật nuôi, thuốc bảo vệ thực vật... đã giúp nâng cao năng suất, nâng cao hiệu quả kinh tế, nâng cao mức sống của đồng bào.

Cùng với sự biến đổi mạnh mẽ về tập quán và công cụ sản xuất là sự biến đổi về tập quán sinh hoạt thường nhật và tiêu dùng - nhiều đồ dùng thô sơ, thủ công, tự làm cũng được thay bằng các tiện nghi hiện đại mua ngoài thị trường; sự biến đổi về tập quán tín ngưỡng, lễ hội, phong tục cưới xin, tang ma. Sự biến đổi này theo chiều hướng đơn giản hóa, lược bỏ bớt các hủ tục, hao phí thời gian và tiền bạc... Tuy nhiên, sự biến đổi cũng làm mất đi những tập quán tín ngưỡng, lễ hội vốn được coi là bản sắc của người Chăm. Đồng thời, các yếu tố mới cũng được bổ sung làm phong phú thêm bản sắc văn hóa dân tộc Chăm.

Cách thức tổ chức đời sống cộng đồng cũng có nhiều thay đổi, cùng với sự thay đổi về cấu trúc xã hội truyền thống làng và hiện nay là bộ máy hành chính nhà nước (xã - thôn). Tuy nhiên, quan hệ gia đình, dòng họ và cộng đồng vẫn còn tương đối đậm nét truyền thống, thể hiện sự gắn kết sâu sắc giữa các gia đình thành viên với nhau trong một họ tộc.

*Văn hoá Chăm biến đổi theo ba xu hướng chính, đó là xu hướng cách tân đổi mới, xu hướng mai một và xu hướng bảo tồn*, trong đó, nổi bật lên là xu hướng cách tân, đổi mới theo chiều hướng giao lưu, hội nhập giữa các nền văn hóa, đặc biệt là văn hóa Việt, điển hình cho sự biến đổi theo xu hướng này là các thành tố văn hóa như, cách làm nhà ở, việc sử dụng các tiện nghi sinh hoạt, tập quán tín ngưỡng, lễ hội, cưới xin...

Tóm lại, đời sống dân tộc Chăm đã phát triển về nhiều mặt. Tuy nhiên đồng bào Chăm vẫn còn đối mặt nhiều khó khăn. Nhưng với sự quan tâm giúp đỡ, cùng với những chính sách hợp lý của Đảng và Nhà nước thì đời sống đồng bào dần dần được cải thiện rất nhiều. Từ đó chúng ta rút ra được tầm quan trọng của vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

#### IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2006). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018). *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật.
4. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia, các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. (2008). *Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
5. Ebook Hỏi đáp về 54 dân tộc Việt Nam: Phần 1. Truy cập từ [https://tailieuxanh.com/vn/dIID1890601\\_ebook-hoi-dap-ve-54-dan-toc-viet-nam-phan-1.html](https://tailieuxanh.com/vn/dIID1890601_ebook-hoi-dap-ve-54-dan-toc-viet-nam-phan-1.html); Ebook Hỏi đáp về 54 dân tộc Việt Nam: Phần 2. Truy cập từ [https://tailieuxanh.com/vn/dIID1890602\\_ebook-hoi-dap-ve-54-dan-toc-viet-nam-phan-2.html](https://tailieuxanh.com/vn/dIID1890602_ebook-hoi-dap-ve-54-dan-toc-viet-nam-phan-2.html)
6. Linh An. (25/1/2021). *Số hóa nông nghiệp trong phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*: Truy cập từ <http://consosukien.vn/so-hoa-nong-nghiep-trong-phat-trien-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-va-mien-nui.htm>
7. Hồng Diễm. (26/7/2021). *Đồng bào Chăm đón Tết Raya Haji trong an yên, ý nghĩa* Truy cập từ <http://mattran.org.vn/dan-toc-ton-giao/dong-bao-cham-don-tet-raya-haji-trong-an-yen-y-nghia-38864.html>
8. Mỹ Hạnh. (7/6/2021). *Góp phần nâng cao chất lượng đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số từ Quyết định số 2085/QĐ-TTg*. Truy cập từ <http://www.bandantoc.kontum.gov.vn/tin-chuyen-nganh/Gop-phan-nang-cao-chat-luong-doi-song-cua-dong-bao-dan-toc-thieu-so--tu-Quyet-dinh-so-2085QDTTg-2155>

9. Vĩnh Hoàng. (14/10/2018). *Cải cách hành chính ở Gia Lai: Tập trung khắc phục tồn tại, hạn chế*, truy cập từ <https://baogialai.com.vn/channel/12379/201810/cchc-o-gia-lai-tap-trung-khac-phuc-ton-tai-han-che-5604098/>
10. Nguyễn Huế. (30/5/2016). *Làng nghề thủ công mỹ nghệ: Những khó khăn trong hoạt động* truy cập từ <http://baophutho.vn/kinh-te/201605/lang-nghe-thu-cong-my-nghe-nhung-kho-khan-trong-hoat-dong-37717>
11. Đông Hưng. (23/3/2015). *Làng thuốc nam chữa bệnh hiểm nghèo của người Chăm* Truy cập từ <https://baodansinh.vn/lang-thuoc-nam-chua-benh-hiem-4168.htm>
12. Thanh Phước. (4/10/2020). *Giải pháp giảm nghèo bền vững và thực hiện các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh*. Truy cập từ <http://www.bandantoc.kontum.gov.vn/nghien-cuu-trao-doi/Giai-phap-giam-ngheo-ben-vung-va-thuc-hien-cac-chinh-sach-doi-voi-dong-bao-dan-toc-thieu-so-tren-dia-ban-tinh-982>
13. Nhân Sơn. (14/9/2018). *Phó Thủ tướng Thường trực Trương Hòa Bình tặng quà HS dân tộc Chăm nghèo hiếu học*. Truy cập từ <https://cand.com.vn/Su-kien-Binh-luan-thoi-su/Pho-Thu-tuong-Thuong-truc-Truong-Hoa-Binh-tang-qua-hoc-bong-cho-hoc-sinh-sinh-vien-dan-toc-Cham-ngheo-hieu-hoc-TP-Ho-Chi-Minh-i536013/>
14. Nguyễn Thị Thu Thanh. (03/4/2021). *Chính sách dân tộc của Việt Nam qua 35 năm đổi mới*. Truy cập [https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/van\\_hoa\\_xa\\_hoi/-/2018/821701/chinh-sach-dan-toc-cua-viet-nam-qua-35-nam-doi-moi.aspx](https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi/-/2018/821701/chinh-sach-dan-toc-cua-viet-nam-qua-35-nam-doi-moi.aspx)
15. Lê Ngọc Thắng. *Ebook Một số vấn đề về dân tộc và phát triển*. Truy cập từ [https://tailieuxanh.com/vn/tlID1387937\\_ebook-mot-so-van-de-ve-dan-toc-va-phat-trien-pgsts-le-ngoc-thang.html](https://tailieuxanh.com/vn/tlID1387937_ebook-mot-so-van-de-ve-dan-toc-va-phat-trien-pgsts-le-ngoc-thang.html)
16. Nguyễn Văn Tùng. (5/9/2020). *Những thuận lợi và khó khăn ngành chăn nuôi nước ta* Truy cập từ <https://vieclam.agri.vn/nhung-thuan-loi-va-kho-khan-cua-nganh-chan-nuoi/>

17. Hoa Xuân. (26/8/2020). *Quản lý đảng viên đi làm ăn xa - Những khó khăn cần tháo gỡ (kỳ 2)* Truy cập từ <http://baonamdinh.com.vn/channel/5098/202008/tac-pham-du-thi-giai-bao-chi-bua-liem-vang-lan-thu-v-2020-quan-ly-dang-vien-di-lam-an-xa-nhung-kho-khan-can-thao-go-ky-2-2539366>
18. (06/06/2012). *Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020*: Truy cập từ: <https://hcmcpv.org.vn/van-ban/ngghi-quyet/mot-so-van-de-ve-chinh-sach-xa-hoi-giai-doan-2012-2020-1338949675>
19. (7/1/2020). *Phát triển kinh tế xã hội đồng bào Chăm* Truy cập từ [https://www.ninhthuan.gov.vn/chinhquyen/bandantoc/Admin/BCUB03\\_signed.pdf](https://www.ninhthuan.gov.vn/chinhquyen/bandantoc/Admin/BCUB03_signed.pdf)
20. (07/07/2020). *Thách thức đối với sự phát triển làng xã Việt Nam hiện nay* . Truy cập từ <https://www.vass.gov.vn/tap-chi-vien-han-lam/thach-thuc-doi-voi-su-phat-trien-lang-xa-viet-nam-hien-nay-12>
21. (2/10/2020). *Phát triển nông nghiệp số tại vùng DTTS và miền núi: Xu thế tất yếu để bắt kịp thời đại* Truy cập từ <http://www.cema.gov.vn/tin-tuc/tin-tuc-su-kien/kinh-te-xa-hoi/phat-trien-nong-nghiep-so-tai-vung-dtts-va-mien-nui-xu-the-tat-yeu-de-bat-kip-thoi-dai.htm>
22. (15/06/2021). *Đời sống chan hòa, phát triển của đồng bào Chăm ở An Giang* Truy cập từ <https://baodantoc.vn/doi-song-chan-hoa-phat-trien-cua-dong-bao-cham-o-an-giang-1623645883458.html>
23. (16/6/2021). *Phát triển doanh nghiệp, HTX vùng dân tộc thiểu số* Truy cập từ <http://www.cema.gov.vn/tin-tuc/tin-tuc-su-kien/kinh-te-xa-hoi/phat-trien-doanh-nghiep-htx-vung-dan-toc-thieu-so.htm>
24. (21/9/2021). *Một số giải pháp nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Quảng Trị hiện nay* Truy cập từ <https://tinhuyluongtri.vn/mot-so-giai-phap-nham-tiep-tuc-nang-cao-chat-luong-giao-duc-dao-tao-o-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-va-mien-nui-cua-tinh-quang-tri-hien-nay>